

BỘ CÔNG NGHIỆP
Số: 33/2006/QĐ-BCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp xe máy Việt Nam
đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp;

Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 4383/VPCP-CN ngày 11 tháng 8 năm 2006 của Văn phòng Chính phủ về việc giao Bộ trưởng Bộ Công nghiệp xem xét, phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp xe máy Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Vụ trưởng Vụ Cơ khí, Luyện kim và Hoá chất,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp xe máy Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

Phát huy nguồn lực của mọi thành phần kinh tế, tổ chức lại sản xuất theo hướng phân công hoá, hợp tác, liên kết để nâng cao hiệu quả đầu tư, năng lực cạnh tranh trong tiến trình hội nhập, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng và phát triển ngành công nghiệp xe máy Việt Nam trở thành một trong những ngành sản xuất và xuất khẩu xe máy, linh kiện và phụ tùng mạnh của khu vực.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010:

- + Đáp ứng 90% nhu cầu xe máy trong nước, trong đó đáp ứng 100% nhu cầu xe thông dụng;
- + Sản xuất trong nước đạt trên 90% linh kiện, phụ tùng xe máy và 95% linh kiện phụ tùng động cơ xe máy;
- + Thiết lập hệ thống các nhà sản xuất, cung ứng linh kiện xe máy có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu về chất lượng, giá thành và dịch vụ sau bán hàng; hệ thống phân phối và dịch vụ năng động, chuyên nghiệp;
- + Năm 2010 xuất khẩu xe thông dụng, linh kiện và phụ tùng xe tương đương 450 - 500 nghìn xe, ước kim ngạch xuất khẩu đạt 300 triệu USD;
- + Thiết lập và đưa vào hoạt động các Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển trước năm 2010.

- Giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015:

Sản xuất đáp ứng 95% nhu cầu xe máy trong nước; trên 95% linh kiện, phụ tùng; kim ngạch xuất khẩu xe máy, linh kiện, phụ tùng đạt khoảng 500 triệu USD; nâng cao năng lực các Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển để tự thiết kế được các loại xe thông dụng và một số loại xe cao cấp.

- Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2025:

- + Tập trung đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu các loại xe máy, linh kiện, phụ tùng xe máy;
- + Sản xuất được xe máy cao cấp và xe máy chuyên dùng phục vụ trong nước và xuất khẩu;
- + Tự thiết kế và sản xuất các loại động cơ, xe máy sử dụng nhiên liệu sạch.

3. Chiến lược phát triển

a) Phát triển sản xuất phục vụ nhu cầu trong nước

Đầu tư phát triển sản xuất xe máy trong nước theo hướng:

- Phát triển sản xuất linh kiện, phụ tùng xe máy với chất lượng ngày càng cao, đặc biệt là sản xuất động cơ, sản xuất nguyên liệu, phụ liệu cho ngành;
- Phát triển nhanh các ngành công nghiệp hỗ trợ như: cơ khí chính xác, hoá chất, cao su, nhựa, điện, điện tử, vật liệu mới;
- Đẩy mạnh nghiên cứu thiết kế sản phẩm mới, nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh của xe máy Việt Nam;
- Nghiên cứu sản xuất xe máy cao cấp, xe máy chuyên dùng nhất là các loại xe sử dụng nhiên liệu sạch.

b) Đẩy mạnh xuất khẩu

- Triển khai xúc tiến thương mại, tìm kiếm và khai thác thị trường xuất khẩu, đặc biệt là các thị trường Châu Phi, Tây Nam Á, Mỹ La tinh;
- Đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm xe máy, linh kiện, phụ tùng có lợi thế cạnh tranh, phù hợp nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng ở từng khu vực thị trường;
- Tăng cường hợp tác, liên kết sản xuất trong nước, nâng cao khả năng cạnh tranh, nghiên cứu thiết kế xe phù hợp thị trường xuất khẩu;
- Tích cực tham gia phân công hợp tác quốc tế trong sản xuất xe máy, linh kiện và phụ tùng xe máy trong khu vực và toàn cầu.

c) Phát triển khoa học công nghệ

Huy động mọi nguồn lực khoa học công nghệ trong nước, kết hợp nâng cao hợp tác quốc tế, trong đó thu hút đầu tư nước ngoài, chuyển giao công nghệ là động lực để phát triển khoa học công nghệ ngành, chú trọng vào các nội dung:

- Đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, đẩy mạnh thiết kế sản phẩm mới;
- Chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại;
- Phát triển công nghệ trong nước, kết hợp tiếp thu công nghệ nước ngoài;
- Đầu tư công nghệ kiểm tra chất lượng sản phẩm.

d) Phát triển hệ thống các nhà cung cấp, hệ thống phân phối và dịch vụ

- Lấy sự liên kết, hợp tác tối ưu giữa các doanh nghiệp trong ngành làm cơ sở để sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở sản xuất;